

# ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2022-2023

## A. TỰ LUẬN

### BÀI 11 – KHU VỰC ĐÔNG NAM Á - Tiết 2: KINH TẾ

#### I. CƠ CẤU KINH TẾ

- Có sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế theo hướng: giảm tỉ trọng của nông nghiệp và tăng tỉ trọng của công nghiệp, dịch vụ trong GDP.

- **Nguyên nhân:** do phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ.

#### II. CÔNG NGHIỆP

- Phát triển theo hướng tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài, hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho người lao động, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu → nhằm tích lũy vốn, công nghệ và phát triển thị trường.

- Các ngành phát triển mạnh:

+ Sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử...

+ Khai thác khoáng sản kim loại, dầu khí, than...

+ Dệt may, da giày, chế biến thực phẩm... phục vụ xuất khẩu.

#### III. DỊCH VỤ

- Giao thông vận tải được mở rộng và tăng thêm.

- Thông tin liên lạc cải thiện và nâng cấp.

- Hệ thống ngân hàng và tín dụng được phát triển và hiện đại.

→ Phục vụ đời sống, nhu cầu phát triển trong nước và thu hút các nhà đầu tư.

#### IV. NÔNG NGHIỆP

Nền nông nghiệp nhiệt đới, giữ vai trò quan trọng.

**1. Trồng lúa nước:** có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển cây lúa.

- Cây lương thực truyền thống và quan trọng.

- Sản lượng không ngừng tăng.

- Thái Lan và Việt Nam là những nước xuất khẩu gạo nhiều nhất trên thế giới.

#### 2. Trồng cây công nghiệp

- Có cao su, cà phê, hồ tiêu... chủ yếu để xuất khẩu.

#### 3. Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản

- Chăn nuôi tuy có số lượng nhiều nhưng chưa thành ngành chính: trâu, bò, lợn, gia cầm.

Phân bố: Trâu, bò nuôi nhiều Mianma, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam.

Lợn nuôi nhiều Philippines, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam

- Ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản là ngành truyền thống và đang phát triển.

Các nước đứng đầu về sản lượng Philippines, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam, Malaysia

## B. TRẮC NGHIỆM

### NHẬT BẢN

**Câu 1. Nhật Bản là quốc đảo nằm trên**

- A. Thái Bình Dương.      B. Ấn Độ Dương.      C. Đại Tây Dương.      D. Bắc Băng Dương.

**Câu 2. Nhật Bản nằm ở khu vực nào của châu Á?**

- A. Đông Nam Á.      B. Nam Á.      C. Đông Á.      D. Bắc Á.

**Câu 3. Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là**

- A. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.      B. Hôn-su, Hô-cai-đô, Kiu-xiu, Xi-cô-cư.  
C. Kiu-xiu, Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư.      D. Hôn-su, Hô-cai-đô, Xi-cô-cư, Kiu-xiu.

**Câu 11: Một trong những tác động tích cực do cơ cấu dân số già đem lại cho Nhật Bản là**

- A. Thiếu lao động bổ sung.      B. Chi phí phúc lợi xã hội nhiều.  
C. Lao động có nhiều kinh nghiệm.      D. Chiến lược kinh tế- xã hội bị ảnh hưởng.

**Câu 6. Những năm 1973 - 1974 và 1979 - 1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do**

- A. Khủng hoảng tài chính trên thế giới.      B. Khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới.  
C. Sức mua thị trường trong nước giảm.      D. Thiên tai động đất, sóng thần xảy ra nhiều.

**Câu 7. Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu**

- A. Gió mùa.      B. Lục địa.  
C. Chí tuyến.      D. Hải dương.

**Câu 8. Biển nào có vị trí ở phía tây Nhật Bản?**

- A. Ô-khốt.      B. Nhật Bản.      C. Biển Đông.      D. Bê-rinh.

**Câu 9: Sông ngòi Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?**

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố đều trên cả nước.  
B. Chủ yếu là các sông nhỏ, ngắn, dốc, có giá trị thủy điện.  
C. Có nhiều sông lớn bồi tụ những đồng bằng phù sa màu mỡ.  
D. Các sông có giá trị tưới tiêu nhưng không có giá trị thủy điện.

**Câu 10. Địa hình Nhật Bản chủ yếu là**

- A. núi cao      B. đồi núi thấp.      C. cao nguyên và bồn địa.      D. đồng bằng phù sa màu mỡ

### BÀI 10. CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

#### Tiết 1. Tự nhiên, dân cư và xã hội

**Câu 1: Biên giới Trung Quốc với các nước chủ yếu là**

- A. núi cao và hoang mạc.      B. núi thấp và đồng bằng.  
C. đồng bằng và hoang mạc.      D. núi thấp và hoang mạc.

**Câu 2. Phát minh nào sau đây không phải của Trung quốc?**

- A. La bàn.      B. Giấy.      C. Kỹ thuật in.      D. Chữ la tinh.

**Câu 3. Các đặc khu hành chính của Trung Quốc ở ven biển là**

- A. Hồng Công và Ma Cao.      B. Ma Cao và Thượng Hải.  
C. Thượng Hải và Quảng Châu.      D. Quảng Châu và Hồng Công.

**Câu 4: Các dân tộc ít người của Trung Quốc phân bố rải rác ở khu vực nào sau đây?**

- A. Các thành phố lớn.      B. Các đồng bằng châu thổ.  
C. Vùng núi cao phía tây.      D. Dọc biên giới phía nam.

**Câu 5. Đặc điểm tự nhiên của miền Đông Trung Quốc là có**

- A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.
- B. các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
- C. nhiều tài nguyên rừng, nhiều khoáng sản và đồng cỏ.
- D. thượng nguồn của các sông lớn theo hướng tây đông.

**Câu 6. Đặc điểm tự nhiên của miền Tây Trung Quốc là có**

- A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.
- B. các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
- C. Kiểu khí hậu cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.
- D. nhiều tài nguyên khoáng sản kim loại màu nổi tiếng.

**Câu 7: Dân tộc nào chiếm số dân đông nhất ở Trung Quốc?**

- A. Hán.
- B. Choang.
- C. Tạng.
- D. Hồi.

**Câu 8: Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông vì miền này**

- A. là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc.
- B. có kinh tế phát triển, rất giàu tài nguyên.
- C. ít thiên tai, thích hợp cho định cư lâu dài.
- D. không có lũ lụt hàng năm, khí hậu ôn hòa.

**Câu 9. Sông nào sau đây không bắt nguồn từ vùng núi cao đồ sộ ở phía tây Trung Quốc?**

- A. Mê Công.
- B. Hoàng Hà.
- C. Hắc Long Giang.
- D. Trường Giang.

**Câu 10: Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?**

- A. Tiến hành chính sách dân số triệt để.
- B. Sự phát triển nhanh của y tế, giáo dục.
- C. Sự phát triển nhanh của nền kinh tế.
- D. Người dân không muốn sinh nhiều con.

## **Tiết 2. Kinh tế**

**Câu 1. Thành tựu của công cuộc hiện đại hoá Trung Quốc không phải là:**

- A. tốc độ tăng trưởng cao.
- B. Tổng GDP tăng lên lớn.
- C. đời sống dân nâng cao.
- D. tăng dân số tự nhiên giảm.

**Câu 2: Các ngành công nghiệp kĩ thuật cao của Trung Quốc trong những năm gần đây phát triển nhanh chủ yếu là do**

- A. chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo ngành, tăng cường vốn đầu tư.
- B. mở rộng thị trường tiêu thụ, sử dụng lực lượng lao động đông.
- C. thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ứng dụng công nghệ mới.
- D. hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn lao động.

**Câu 3. Phát biểu nào sau đây không đúng với công nghiệp Trung Quốc hiện nay?**

- A. Tích cực thu hút đầu tư nước ngoài.
- B. Tập trung vào các ngành truyền thống.
- C. Tăng cường xuất, nhập khẩu hàng hoá.
- D. Chú ý ứng dụng các công nghệ cao.

**Câu 4. Trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, các nhà máy ở Trung Quốc không được:**

- A. chủ động trong lập kế hoạch sản xuất.
- B. chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
- C. tham gia đầu tư tại các đặc khu kinh tế.
- D. bỏ qua đánh giá tác động môi trường.

**Câu 5. Trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, Trung Quốc đã không thực hiện việc:**

- A. thu hút đầu tư nước ngoài.
- B. đẩy mạnh đầu tư trong nước.
- C. trao đổi hàng hoá với thế giới.
- D. ấn định chỉ tiêu sản xuất năm.

**Câu 6. Trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường, Trung Quốc khá thành công trong việc:**

- A. thu hút đầu tư nước ngoài, ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp.
- B. hiện đại hoá trang bị máy móc, lập kế hoạch sản xuất hàng năm cố định.
- C. chủ động đầu tư trong nước, hạn chế đến mức tối đa giao lưu ngoài nước.
- D. hạn chế, giao lưu hàng hoá trong nước, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

**Câu 7. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là:**

- A. nguyên liệu phong phú, dân cư đông đúc.
- B. dân cư đông đúc, máy móc hiện đại.
- C. máy móc hiện đại, nguyên liệu dồi dào.
- D. nguyên liệu dồi dào, nơi phân bố rộng.

**Câu 8. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển ngành công nghiệp khai khoáng là:**

- A. kĩ thuật hiện đại.
- B. lao động dồi dào.
- C. khoáng sản phong phú.
- D. nhu cầu rất lớn.

**Câu 9. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển công nghiệp luyện kim đen là:**

- A. kĩ thuật hiện đại.
- B. lao động đông đảo.
- C. Nguyên liệu dồi dào
- D. nhu cầu rất lớn.

**Câu 10. Ngành nào sau đây không được chú trọng phát triển trong chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc ?**

- A. Chế tạo máy
- B. Điện tử
- C. Hoá dầu
- D. Luyện Kim.

**Câu 5: Trung Quốc đã áp dụng biện pháp chủ yếu nào sau đây để thu hút đầu tư nước ngoài?**

- A. Tiến hành cải cách ruộng đất.
- B. Phát triển kinh tế thị trường.
- C. Thành lập các đặc khu kinh tế.
- D. Mở các trung tâm thương mại.

**Câu 12. Các ngành được Trung Quốc tập trung phát triển trong chính sách công nghiệp mới bao gồm:**

- A. chế tạo máy, luyện kim, hoá dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.
- B. chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô, xây dựng.
- C. chế tạo máy, điện tử, chế biến thực phẩm, dệt - may, xây dựng
- D. chế tạo máy, điện tử, hoá dầu, sản xuất ô tô, dệt - may.

**Câu 13. Các sản phẩm công nghiệp Trung Quốc có sản lượng đứng vào hàng đầu thế giới trong nhiều năm là:**

- A. điện, thép, xi măng, phân đạm.
- B. thép, xi măng, phân đạm, da giày.
- C. xi măng, phân đạm, da giày, dầu mỏ.
- D. phân đạm, da giày, dầu mỏ, điện.

**Câu 14: Trung Quốc phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu nào ở nông thôn?**

- A. Công nghiệp vật liệu xây dựng.
- B. Công nghiệp sản xuất ô tô.
- C. Công nghiệp điện tử, viễn thông.
- D. Công nghiệp đóng tàu biển.

**Câu 15. Trung tâm công nghiệp nào sau đây của Trung Quốc không nằm ven biển?**

- A. Thiên Tân.
- B. Thượng Hải.
- C. Hồng Kông.
- D. Bao Đầu.

## **BÀI 11. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á**

### **Tiết 1. Tự nhiên, dân cư và xã hội.**

**Câu 7. Các đồng bằng châu thổ ở Đông Nam Á lục địa thường màu mỡ và đặc biệt thuận lợi với**

- A. trồng lúa nước.
- B. trồng cây công nghiệp.
- C. trồng cây rau, đậu.
- D. trồng cây ăn quả.

**Câu 2. Toàn bộ lãnh thổ của khu nước Đông Nam Á nằm hoàn toàn trong**

- A. khu nước xích đạo.
- B. vùng nội chí tuyến,
- C. khu nước gió mùa.
- D. phạm vi bán cầu Bắc.

**Câu 3. Phát biểu nào sau đây không đúng về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?**

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- B. Có rất nhiều núi lửa và đảo.
- C. Nhiều nơi núi lan ra sát biển.
- D. Nhiều đồng bằng châu thổ.

**Câu 4. Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm hai bộ phận:**

- A. lục địa và biển đảo.
- B. đảo và quần đảo.
- C. lục địa và biển.
- D. biển và các đảo.

**Câu 5. Phát biểu nào sau đây không đúng về Đông Nam Á?**

- A. Là nơi giao thoa giữa các nền văn hoá lớn.
- B. Là nơi các cường quốc muốn gây ảnh hưởng,
- C. Vị trí cầu nối lục địa Á-Âu và Ô-xtrây-li-a.
- D. Nằm ở trên vành đai lửa Thái Bình Dương.

**Câu 6. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có:**

- A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.
- B. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.
- C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.
- D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 7. Tự nhiên Đông Nam Á biển đảo không có:**

- A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam.
- B. nhiều đồi, núi và núi lửa, ít đồng bằng
- C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.
- D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 8. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á biển đảo là có:**

- A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.
- B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
- C. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.
- D. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ,

**Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á?**

- A. Dân số đông, mật độ dân số cao.
- B. Tỉ suất gia tăng tự nhiên tăng nhanh.
- C. Phân bố dân cư đều, dân số trẻ .
- D. Dân số đông, cơ cấu dân số già.

**Câu 10. Điểm giống nhau về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo là đều có:**

- A. khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- B. nhiều đồng bằng phù sa lớn.
- C. các sông lớn hướng bắc nam.
- D. các dãy núi và thung lũng rộng.

**Câu 10. Điểm giống nhau về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo là đều có:**

- A. khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- B. nhiều đồng bằng phù sa lớn.
- C. các sông lớn hướng bắc nam.
- D. các dãy núi và thung lũng rộng.

**Câu 11. Tự nhiên Đông Nam Á biển đảo khác với Đông Nam Á lục địa ở đặc điểm có:**

- A. khí hậu xích đạo.
- B. các dãy núi.
- C. các đồng bằng.
- D. đảo, quần đảo.

**Câu 12. Tự nhiên Đông Nam Á lục địa khác với Đông Nam Á biển đảo là ở đặc điểm có:**

- A. mùa đông lạnh.
- B. mùa hạ mưa,
- C. các đồng bằng.
- D. đảo, quần đảo.

**Câu 13. Phát biểu nào sau đây không đúng với tự nhiên Đông Nam Á lục địa?**

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.
- B. Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.
- C. Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.
- D. Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

**Câu 14. Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á biển đảo?**

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.
- B. Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

C. Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp.

D. Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới,

**Câu 15. Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu:**

A. nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo.

B. cận xích đạo, xích đạo.

C. xích đạo, nhiệt đới gió mùa.

C. nhiệt đới gió mùa, ôn đới.

**Câu 16. Đông Nam Á biển đảo chủ yếu có khí hậu:**

A. nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo.

B. cận xích đạo, xích đạo.

C. xích đạo, nhiệt đới gió mùa.

D. nhiệt đới gió mùa, ôn đới.

**Câu 17. Điều Kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Á không phải chủ yếu là:**

A. khí hậu nóng ẩm.

B. đất trồng đa dạng,

C. sông ngòi dày đặc.

D. địa hình nhiều núi.

**Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á có nguy cơ bị thu hẹp là:**

A. khai thác không hợp lí và cháy rừng.

B. cháy rừng và phát triển nhiều thủy điện.

C. mở rộng đất trồng đồi núi và cháy rừng.

D. kết quả của việc trồng rừng còn hạn chế.

**Câu 19. Phát biểu nào sau đây không đúng với Đông Nam Á?**

A. Các nước trong khu vực (trừ Lào) đều giáp biển.

B. Nằm trong vành đai sinh khoáng lớn của Trái Đất.

C. Có diện tích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm lớn.

D. ít chịu các thiên tai như động đất, sóng thần.

### **Tiết 3. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)**

**Câu 1: Ý nào sau đây không phải là cơ sở hình thành ASEAN?**

A. Có chung mục tiêu, lợi ích phát triển kinh tế.

B. Sử dụng chung một loại tiền và một loại ngôn ngữ.

C. Do sức ép cạnh tranh giữa các khu vực trên thế giới.

D. Có sự tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội của các nước

**Câu 2. Nước gia nhập ASEAN vào năm 1995 là:**

A. Bru-nây.

B. Việt Nam.

C. Mi-an-ma.

D. Lào.

**Câu 3. Phát biểu nào sau đây không đúng với ASEAN?**

A. Thành lập năm 1967 tại Băng Cốc.

B. Số lượng thành viên ngày càng tăng.

C. Hiện nay, Đông Ti-mo chưa gia nhập.

D. Xin-ga-po là nước lãnh đạo ASEAN.

**Câu 4. Mục tiêu Tổng quát của ASEAN là:**

A. thúc đẩy phát triển Kinh tế, văn hóa, giáo dục, tiến bộ xã hội của các nước.

B. xây dựng khu vực Hoa bình, ổn định, có kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.

C. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định và cùng phát triển.

D. giải quyết những quan hệ giữa ASEAN với các nước, tổ chức quốc tế khác.

**Câu 5. Mục tiêu của ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định không phải vì:**

A. mỗi nước trong khu vực hoàn toàn lúc nào cũng có sự ổn định.

B. trong mỗi nước không còn sự tranh chấp phức tạp về lãnh thổ.

C. tạo cơ cho các cường quốc can thiệp vào một nước bằng vũ lực.

D. tạo nên một cường quốc chung thống nhất cho toàn bộ khu vực.

**Câu 6. Cơ chế hợp tác của ASEAN không phải là thông qua:**

- A. diễn đàn                      B. hiệp ước.                      C. hội nghị.                      D. liên kết vùng.

**Câu 7. Việc xây dựng “Khu vực thương mại tự do ASEAN” (AFTA) là việc làm thuộc:**

- A. mục tiêu hợp tác.                      B. cơ chế hợp tác.  
C. thành tựu hợp tác.                      D. lí do hợp tác.

**Câu 8. Nội dung nào đang là thách thức đối với các nước ASEAN hiện nay?**

- A. Trình độ phát triển còn chênh lệch.                      B. Dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.  
C. Gia tăng tự nhiên cao, dân trí thấp.                      D. Cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, lạc hậu.

**Câu 9. Biểu hiện nào sau đây là chung nhất chứng tỏ kinh tế của các nước ASEAN còn chênh lệch nhau nhiều?**

- A. GDP một số nước rất cao, trong khi nhiều nước thấp.  
B. Số hộ đói nghèo giữa các quốc gia không giống nhau.  
C. Quá trình và trình độ đô thị hoá các quốc gia khác nhau.  
D. Việc sử dụng tài nguyên ở nhiều quốc gia còn chưa hợp lí.

**Câu 10. Cơ chế hợp tác của ASEAN rất phong phú và đa dạng là nhằm**

- A. đa dạng hóa các mặt đời sống xã hội của khu vực.  
B. phát triển cả kinh tế - chính trị và xã hội của khu vực.  
C. đảm bảo thực hiện các mục tiêu ASEAN.  
D. tập trung phát triển kinh tế của khu vực.